

Về con chung: Chị H với anh D có một người con chung là Trần Bé T, sinh ngày 13-11-2005 (giới tính nữ), hiện do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án có tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho D nhưng anh D không có ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của chị H về hôn nhân, về con chung, về tài sản, nợ chung là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chị H yêu cầu ly hôn với anh D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Anh D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Về hôn nhân: Chị H với anh D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do anh D thường xuyên uống rượu không quan tâm đến vợ con. Gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, chị H với anh D đã ly thân 05 năm nay. Chị H xác định chị không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa. Điều đó, cho thấy hôn nhân của chị H với anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét về tình trạng hôn nhân và ý

kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Bé T. Xét thấy, anh D không có ý kiến gì về việc chị H yêu cầu nuôi con, cháu Trúc sống ổn định và có nguyện vọng ở với chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Bé T. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Chị H phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị H đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn D.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Chị Sơn Thị H với anh Trần Văn D được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Bé T, sinh ngày 13-11-2005 (giới tính nữ) cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được trở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Chị H phải nộp 300.000 đồng. Ngày 11-10-2017 chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018792 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Ủy ban nhân dân xã TB.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn